

Bản án số: 107/2018/DS-PT

Ngày: 24-10-2018

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đỗ Thị Lựa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2018/TLPT-DS ngày 22/6/2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2018/QĐXX-PT ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1943; địa chỉ cư trú: Tổ 07, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Đào Thị N**, sinh năm 1973, địa chỉ cư trú: Tổ 02, khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Theo Giấy ủy quyền có số công chứng 00002353, quyền số 01/TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 13/6/2016, tại Văn phòng công chứng G, địa chỉ số 322, Quốc Lộ 14, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông **Mai Quang H**, sinh năm 1962

2.1 Bà **Từ Thị P**, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 07, ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Mai Quang H: Ông **Hồ Quang H**, sinh năm 1972, địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (Theo Giấy

ủy quyền có số công chứng 01945, quyền số 02/TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 27/02/2018, tại văn phòng công chứng Hoàng Xuân H, số 187-189 A, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1961;

3.2 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1965;

3.3 Ông Nguyễn Bá T, sinh năm: 1966;

3.4 Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1968;

3.5 Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1970;

3.6 Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1971;

3.7 Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1973;

3.8 Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1974;

3.9 Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1975;

3.10 Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm: 1977;

3.11 Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1979;

3.12 Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1984

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị S.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Thị N thống nhất trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị S có khai phá được thửa đất có diện tích là 20.936m² tại: Tổ 7, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước, đến năm 1997 đất được Ủy ban nhân dân huyện Bình Long (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1439 QSDĐ/97 ngày 16/10/1997, đứng tên ông Nguyễn Văn Trọng. Giáp ranh với thửa đất của bà S, ông Trọng là thửa đất của ông Mai Quang H, bà Từ Thị P. Năm 2008, ông Nguyễn Văn Tr chết không để lại di chúc, bà Lê Thị S và các đồng thừa kế của ông Trọng là bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Bá T, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Kim P, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Thúy L, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Mỹ H không có ai có yêu cầu chia thừa kế nên bà Lê Thị S tiếp tục quản lý, sử dụng.

Trong quá trình sử dụng đất giữa gia đình bà S với gia đình ông H, bà P đã nhiều lần tranh chấp ranh đất. Để giải quyết vụ việc, các bên đương sự đã từng đi khiếu nại, khiếu kiện tại các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết nhưng không đạt kết quả. Vụ việc cũng đã từng được Tòa án nhân dân huyện C giải quyết nhưng cũng không xử lý được do ông H, bà P khởi kiện nhưng sau đó lại rút đơn dẫn đến việc Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Do các bên tranh chấp hàng ranh nên ngày 13/11/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ra công văn số 3567/UBND- TD ngày 13/11/2015 trong đó có nêu *"Đối với ranh mốc giữa hộ ông H với ông Tr (bà S), bà H căn cứ vào bản đồ địa chính trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Mai Quang H năm 1996, ông Nguyễn Văn Q năm 2000, hộ ông Nguyễn Văn T năm 1997 để cắm mốc ranh"*. Căn cứ vào công văn này, hộ ông H, bà P đã liên hệ với Trung tâm Kỹ thuật, địa chính thuộc Sở Tài nguyên Môi trường để đo đạc cắm mốc ranh giới theo bản đồ chính quy năm 2008. Như vậy là đi ngược lại theo tinh thần chỉ đạo tại công văn số 3567/UBND - TD ngày 13/11/2015. Theo đó việc cắm mốc xác định ranh này là không đúng do đã lấn sang phần đất của hộ gia đình bà S. Diện tích đất lấn qua có kích thước khoảng 2m x 0,6m x 168m tương ứng với 200m².

Vì vậy bà S khởi kiện yêu cầu ông H, bà P phải trả lại phần đất có kích thước là 2m x 0,6m x 168m tương ứng với 200m², trị giá tạm tính là 5.000.000 đồng.

Bị đơn bà Từ Thị P, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Mai Quang H là ông Hồ Quang H thống nhất trình bày:

Năm 1996 ông H, bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cột mốc ranh giới tứ cận rõ ràng phía đông Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Tr. Đến năm 2008 Nhà nước tiến hành đo đạc đổi sổ chính quy cho các hộ dân, gia đình ông Tr ra chỉ ranh lấn sang đất của hộ gia đình ông H, bà P. Ông H có đơn gửi ra thị trấn C, được chuyển lên Tòa án nhân dân huyện C năm 2008. Năm 2009 Tòa án thụ lý đơn của ông H, bà P nhưng đến năm 2011 Tòa án ra quyết định đình chỉ.

Năm 2012 ông H, bà P khởi kiện lại đối với vụ án, trong thời gian chờ Tòa án giải quyết vụ việc thì ông H, bà P phát hiện hộ gia đình ông Đoàn ở phía bắc đất của ông H, bà P được cấp đổi sổ nên ông H, bà P tiến hành khiếu nại đến UBND huyện C nhưng giải quyết không thành nên ông H, bà P tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chờ UBND tỉnh Bình Phước giải quyết, ông H, bà P có làm đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả giải quyết của UBND tỉnh Bình Phước. Đến năm 2015 UBND tỉnh Bình Phước ban hành văn bản số 3567/UBND-TD ngày 13/11/2015 nhưng không thực hiện được nên sau đó đến ngày 23/11/2015 UBND tỉnh Bình Phước ban hành văn bản quyết định số 2630/QĐ –UBND hủy bỏ điểm c, khoản 1, Điều 2 Quyết định số 1394/ QĐ –UBND ngày 07/8/2013 của UBND tỉnh Bình Phước. Đến ngày 25/3/2016 văn bản số 263/UBND –TD được thực hiện cắm mốc ranh tại hiện trường (có biên bản); ngày 28/4/2016 UBND tỉnh Bình Phước ban hành văn bản số 1041/UBND-TD; ngày 11/5/2016 ông H bà P được Sở Tài nguyên, Môi trường tỉnh Bình Phước ban hành văn bản số 909/STNMT- TTr; ngày 01/6/2016 ông H, bà P được Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số sổ CD 607029, số vào sổ CS -00353 ngày 01/6/2016.

Ông H, bà P cho rằng đất gia đình mình sử dụng đã được đoàn phúc tra của UBND tỉnh Bình Phước chỉ đạo và được cấp đổi GCNQSD đất một cách hợp

pháp. Ông H, bà P không xâm phạm đất của hộ gia đình bà Lê Thị S nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Tấn T, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Thúy L, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Tấn L, trong quá trình giải quyết vụ án cùng trình bày:

Vào năm 1988, ông Tr, bà S có khai phá diện tích đất tại khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận phía đông giáp đất của bà Nguyễn Thị H, hướng tây giáp với đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, hướng bắc giáp với đất của gia đình ông Mai Quang H. Đất đã được gia đình trồng cao su từ năm 1992, quá trình sử dụng đất là ổn định, không có tranh chấp nên UBND huyện Bình Long đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997.

Đến năm 2008 ông Trọng chết, sau đó ông Mai Quang H khởi kiện gia đình bà S vì cho rằng gia đình bà S đã lấn chiếm đất của gia đình ông H. Tuy nhiên sau đó gia đình ông H rút đơn. Qua xem xét lại thực tế thì gia đình bà S nhận thấy gia đình ông H đã lấn chiếm phần đất của gia đình bà S với diện tích là khoảng 200m². Do vậy bà S tiến hành khởi kiện ông H, bà P phải trả lại phần đất mà đã lấn chiếm của gia đình bà S.

Nhận thấy, việc bà S khởi kiện ông H, bà P là phù hợp với nguyện vọng của mình nên bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Tấn T, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Thúy L, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Tấn L, đồng ý và đề nghị Tòa án xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá T trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Tòng mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không nộp văn bản ghi ý kiến và không tham gia vào quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

1. Không chấp yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S đối với ông Mai Quang H, bà Từ Thị P về việc buộc ông H, bà P phải trả lại phần đất có tứ cận phía đông giáp hộ ông Mai Quang H có chiều dài 0,52m, phía tây giáp hộ ông Mai Quang H có chiều dài 0.75m, phía bắc giáp hộ đất ông Mai Quang H có chiều dài 167,02m, phía nam giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Trọng (đã chết), bà Lê Thị S có chiều dài 165,75m. Tổng diện tích đất tranh chấp 113,8m².

2. Bà S phải chịu chi phí đo đạc giải quyết vụ án là 16.642.522 đồng, chi phí định giá, thẩm định giải quyết vụ án là 3.000.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền

tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.000.000 đồng và 16.642.522 đồng chi phí đo đạc bà S đã nộp cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C. Bà S không phải nộp thêm chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản.

3. Bà Lê Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 341.400 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 125.000 đồng, bà S đã đóng theo biên lai số 0008240 ngày 24/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Số tiền còn lại bà S còn phải nộp thêm là 216.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 15/5/2018, nguyên đơn bà Lê Thị S có đơn kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S buộc ông H, bà P phải trả lại phần đất có diện tích 113,08m².

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị S hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến quyết định của bản án sơ thẩm là chưa khách quan, đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự cụ thể: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Trọng vào năm 1997 và hộ gia đình ông H năm 1996 là đúng quy định của pháp luật đất đai năm 1993. Sau khi được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên tiếp tục sử dụng và không có ai có ý kiến khiếu nại tranh chấp. Vì vậy, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông H, ông Trọng là hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà S và ông H, bà P trước đây vào năm 1996, 1997 được thực hiện theo phương thức đo vẽ thủ công, sử dụng tọa độ giả định nên không thể hiện đường ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H năm 1996 và ông Trọng năm 1997 lên trích đo địa chính khu đất (Bút lục 99). Năm 2008, huyện C tiến hành đo đạc chính quy theo chủ trương đo đạc cấp đổi sổ cho các chủ sử dụng đất. Sau khi các đo đạc xác định mốc giới lại, thì các bên nảy sinh tranh chấp từ năm 2009 cho đến nay.

[2] Bà S với ông H, bà P không thống nhất được việc cắm mốc để được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ đo đạc chính quy năm 2008, nên ngày 13/11/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Công văn số 3567/UBND - TD về việc cắm mốc ranh đất của ông H với hộ bà S đã hướng dẫn rõ “...đối với ranh mốc giữa hộ ông H với ông Tr (bà S), bà H: căn cứ vào bản đồ địa chính trên giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông Mai Quang H (năm 1996), Nguyễn Văn Quang (năm 2000), hộ ông Nguyễn Văn Tr (năm 1997) để cắm mốc ranh. Trường hợp các hộ không thống nhất mốc ranh đã cắm thì có quyền khởi kiện ra Tòa án theo quy định...”. Tại buổi làm việc cắm ranh mốc cho ông H, bà S ngày 25/3/2016, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ là đại diện hợp pháp của bà S không thống nhất về việc cắm mốc của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước vì việc cắm mốc như trên là xâm phạm vào đất của bà S. Thế nhưng UBND huyện C chỉ đạo chấp thuận cho ông Mai Quang H được liên hệ với Trung tâm kỹ thuật địa chính thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước để đo đạc cắm mốc ranh giới theo bản đồ chính quy năm 2008 là đi ngược sự chỉ đạo của Công văn số 3567/UBND – TD ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Bình Phước.

Từ đó việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H trái quy định của pháp luật vì đất đang có tranh chấp. Theo khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 cũng quy định “khi có sự chênh lệch về diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế”. Nhưng tại thời điểm xác định vị trí cắm mốc ranh để ông H cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ranh giới giữa hai hộ không có trên thực tế thì cần phải làm rõ phần ranh đất các bên thống nhất như thế nào thì mới cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Thế nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước vẫn cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H trong khi phía nguyên đơn đã có đơn đề nghị ngừng việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H để chờ kết quả giải quyết tại Tòa án nhưng không được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước chấp nhận là trái với chỉ đạo tại Công văn số 3567/UBND – TD ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Bình Phước và không đúng quy định của Luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H, bà P ngày 01/6/2016 là thiếu sót nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân huyện C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự, không đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đổi trái pháp luật cho hộ ông H là vi phạm thủ tục tố tụng.

[3] Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Phần đất chung giữa hai hộ gia đình bà S với ông H, bà P do tranh chấp nên không được các bên canh tác sử dụng, không có cọc mốc, hàng rào. Phía nguyên đơn bà S cho rằng diện tích

đất đang bị ông H lấn chiếm nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh việc ông H đang chiếm giữ đối với phần đất này”. Sau đó Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định: “Phần đất tranh chấp này nằm trong thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà P sử dụng ngày 01/6/2016” là mâu thuẫn về việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông H không chiếm giữ đối với phần đất này. Mặt khác, như đã nhận định nêu trên việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là trái quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, vận dụng và lấy thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà P ngày 01/6/2016 làm căn cứ để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không khách quan, chưa có cơ sở vững chắc.

[4] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị S, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị hủy án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

- *Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí khác*: Được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do hủy án sơ thẩm nên nguyên đơn bà Lê Thị S không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị S.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Sẽ được xem xét quyết định khi Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị S không phải chịu, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C hoàn trả cho bà S 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền

tạm ứng án phí bà N đã nộp thay theo biên lai thu tiền số 0009403 ngày 24/5/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Văn Bình